

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên
và bảo vệ môi trường biển, hải đảo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2013.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG**Nguyễn Tấn Dũng**

QUY CHẾ
PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương; tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nội dung phối hợp khác để thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải bảo đảm bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, hải đảo.

4. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển, hải đảo và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên các vùng biển và hải đảo của Việt Nam.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn, tổ chức thực hiện chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

a) Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

b) Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển, hải đảo

a) Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường biển, hải đảo; ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

c) Theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

d) Quan trắc biến động, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động bờ biển.

5. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng, chống thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

b) Tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển;

b) Xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường biển, hải đảo, ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 5. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn, tổ chức thực hiện chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập dự kiến chương trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tham gia ý kiến đối với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm:

a) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

a) Đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm và dài hạn;

b) Rà soát, tổng kết và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 6. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên phạm vi cả nước;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm

a) Cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này;

b) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ; thông tin, số liệu trong lĩnh vực thủy sản; thực trạng và định hướng phát triển đê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Bộ Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.